

Bản án số: **202/2019/HSPT**

Ngày: 29-07-2019

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Mai Xuân Thành**

*Các thẩm phán:* Ông **Lê Phước Thanh**

Ông **Nguyễn Tấn Long**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Văn Thị Mỹ Thảo**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Ông **Quách Đức Dũng**, Kiểm sát viên.

Vào ngày 29 tháng 07 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 158/2019/TLPT-HS ngày 16 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo **Trần Thị Lệ C** về tội “*Tham ô tài sản*”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2019/HS-ST ngày 06-03-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 711/2019/QĐXXPT-HS ngày 01 tháng 7 năm 2019.

**- Bị cáo có kháng cáo:**

**Trần Thị Lệ C**, sinh ngày 01 tháng 02 năm 1966 tại Quảng Ngãi.

Nơi cư trú: Tổ 12, phường C1, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Thủ quỹ Trung tâm Dạy nghề, Giáo dục thường xuyên và Hướng nghiệp tỉnh Quảng Ngãi; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Ngọc T và bà Nguyễn Thị Q1; có chồng: Lê Văn H; có 02 con, lớn nhất sinh năm 1992, nhỏ nhất sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: Không; được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị bắt tạm giam từ ngày 06/3/2019;

**- Người bào chữa theo yêu cầu của bị cáo Trần Thị Lệ C:** Ông **Trần Văn N**, Luật sư thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng, có mặt;

- *Nguyên đơn dân sự:* Trung tâm dạy nghề - Giáo dục thường xuyên và Hướng nghiệp tỉnh Quảng Ngãi, người đại diện theo pháp luật là ông **Trần Hoài T1**, chức vụ: Giám đốc; địa chỉ trụ sở: Số 117 đường V, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà **Nguyễn Thị Tuấn H1**, sinh năm 1959; trú tại: Số nhà 12, đường P, tổ 07, phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt;

2. Bà **Nguyễn Thị Kim D**, sinh năm 1961; trú tại: Số nhà 630 đường V1, tổ dân phố Tr, phường Tr1, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt;

3. Ông **Phạm Minh T2**, sinh năm: 1969; trú tại: Tổ 16, phường Q2, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt;

4. Ông **Võ B**, sinh năm: 1961; trú tại: Số nhà 98 đường C3, tổ 6, phường N1, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi;

5. Ông **Nguyễn D1**, sinh năm: 1958; trú tại: Tổ 10, phường N2, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt;

6. Bà **Nguyễn Thị Thanh H2**, sinh năm: 1983; trú tại: Số nhà 102/12 đường Tr2, tổ 19, phường Tr3, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt;

7. Bà **Trần Thị Yến L1**, sinh năm: 1966; trú tại: Tổ 1, phường C1, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trung tâm Dạy nghề - Giáo dục thường xuyên và Hướng nghiệp tỉnh Quảng Ngãi (Viết tắt: Trung tâm), trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ngãi, Trung tâm là đơn vị sự nghiệp công lập theo Quyết định số 1050/QĐ-UBND ngày 12/7/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi.

Từ năm 2010 đến năm 2014, Trung tâm ký hợp đồng liên kết đào tạo đại học hệ vừa làm vừa học với các Trường Đại học Quy Nhơn; Đại học Vinh, Đại học Huế, Đại học Luật Hà Nội. Các trường đại học giao cho Trung tâm chịu trách nhiệm thu học phí của học viên và chuyển cho các trường theo tỷ lệ % thống nhất trong hợp đồng đã ký kết.

Trần Thị Lệ C được Trung tâm tuyển dụng ký hợp đồng lao động làm nhân viên phục vụ tại Trung tâm từ năm 2000. Ngày 16/6/2008, Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 404/QĐ-GD&ĐT về việc hợp đồng không xác định thời hạn làm nhân viên phục vụ tại Trung tâm đối với Trần Thị Lệ C. Trước đó, tháng 3/2008 Giám đốc Trung tâm (ông Ngô Anh H3) giao cho Trần Thị Lệ C làm thủ quỹ Trung tâm. Đầu năm 2011, bà Nguyễn Thị Tuấn H1 giữ chức vụ Quyền Giám đốc Trung tâm thay cho ông Ngô Anh H3 và tiếp tục phân công Trần Thị Lệ C làm thủ quỹ Trung tâm. Theo đó, thủ quỹ Trần Thị Lệ C có trách nhiệm theo dõi, thu, chi tất cả các nguồn kinh phí của Trung tâm

theo quy định, trong đó có nguồn thu tiền học phí các lớp liên kết đào tạo đại học tại Trung tâm.

Năm 2010, Trung tâm liên kết mở 01 lớp đào tạo đại học hệ vừa làm vừa học với Trường Đại học Luật Hà Nội, Trung tâm giao cho Trần Thị Lệ C chịu trách nhiệm thu tiền học phí.

Từ tháng 6/2011, Trung tâm ký được nhiều Hợp đồng liên kết đào tạo với nhiều trường Đại học trong cả nước mở nhiều lớp đào tạo đại học hệ vừa làm vừa học, số lượng học viên (sinh viên) ngày càng nhiều, tiền học phí phải thu ngày càng lớn nên Ban Giám đốc, trực tiếp là Quyền Giám đốc Nguyễn Thị Tuấn H1 (nay đã nghỉ hưu) quyết định thành lập (bằng miệng) Ban thu ngân của Trung tâm và phân công nhiệm vụ như sau:

+ Ông Võ B – Phó Giám đốc Trung tâm, Phó Chủ tài khoản, phụ trách điều hành thu ngân (theo bà H1 khai thì ông B có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thu tiền của nhân viên thu ngân nhưng ông B không thừa nhận việc này mà cho rằng ông chỉ có nhiệm vụ đôn đốc, nhắc nhở các nhân viên thu học phí của học viên xong phải nộp đầy đủ cho thủ quỹ Trung tâm và ông đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ này);

+ Nguyễn Thị Kim D – Kế toán, Trưởng ban phụ trách thu, tập hợp chứng từ, số liệu báo cáo chủ tài khoản, lập chứng từ gửi kho bạc và chuyển tiền cho các trường đại học;

+ Trần Thị Lệ C – Thủ quỹ: Trực tiếp thu tiền các lớp khối giáo dục thường xuyên, liên kết đại học, nghề phổ thông và các lớp có thu học phí, lệ phí tại Trung tâm; thu (nhận) tiền từ C2, H2 thu của học viên nộp lại và trực tiếp nộp tiền vào kho bạc theo quy định;

+ Võ Đình Tâm C2 – Nhân viên hợp đồng: Chịu trách nhiệm thu học phí các lớp liên kết đại học cùng với C;

+ Nguyễn Thị Thanh H2 – Nhân viên văn thư: Thu học phí các lớp Anh văn Văn bằng 2;

Từ cuối năm 2010 đến trước tháng 6/2011, C chịu trách nhiệm trực tiếp thu tiền học phí của học viên lớp liên kết đào tạo đại học. Đến tháng 6/2011, sau khi Ban thu ngân của Trung tâm được thành lập thì nhiệm vụ thu tiền học phí các lớp liên kết đào tạo đại học được Quyền giám đốc Trung tâm (Nguyễn Thị Tuấn H1) giao cho Võ Đình Tâm C2 thu và phải nộp lại cho C số tiền đã thu được; Ban Giám đốc Trung tâm cũng giao cho Nguyễn Thị Thanh H2 chịu trách nhiệm nhắc nhở và thu tiền học phí của những học viên còn nợ học phí và phải nộp lại cho C. Tháng 6/2013 lãnh đạo Trung tâm phát hiện Võ Đình Tâm C2 chiếm đoạt tiền của Trung tâm (từ nguồn thu học phí) nên Quyền giám đốc Trung tâm (bà H1) quyết định không giao cho C2 tiếp tục thu học phí mà việc thu học phí từ tháng 6/2013 đến cuối năm 2014 được giao cho C, H2 và Trần

Thị Yến L1 trực tiếp thu; H2, L1 thu xong phải nộp đủ cho C; C có nhiệm vụ tổng hợp, báo cáo kế toán lập thủ tục và mang nộp tiền vào kho bạc theo quy định.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao, lợi dụng vào sự thiếu kiểm tra của lãnh đạo và kế toán Trung tâm, Trần Thị Lệ C đã thực hiện nhiều hành vi gian dối nhằm chiếm đoạt tiền của Trung tâm như: C đã trực tiếp thu tiền của học viên nhưng không báo cáo làm thủ tục nộp đủ vào kho bạc; đã nhận tiền từ các nhân viên thu ngân (C2, H2, L1) thu của học viên nộp lại nhưng không báo cáo làm thủ tục nộp đủ vào kho bạc; sau khi Trung tâm phát hiện việc C2 chiếm đoạt tiền của Trung tâm, bà H1 (Quyền giám đốc) cùng với C2, C, Dung tiến hành đối chiếu xác định các khoản chi mà C2 sử dụng tiền do C2 thu học phí để chi thay thủ quỹ theo ý kiến của lãnh đạo (các khoản tiền này C đã làm thủ tục nhận từ kho bạc nhưng chưa thanh toán trả lại cho C2); kết quả đối chiếu những người này đều thống nhất khấu trừ cho C2 (hạch toán vào khoản C2 thu nộp cho C), bà H1 giao cho C có trách nhiệm nộp số tiền mà C2 được khấu trừ vào Trung tâm nhưng C không nộp và chiếm đoạt hoặc C nhận tiền do C2 nộp cho Trung tâm để khắc phục hậu quả nhưng sau khi nhận tiền của C2 nộp C không nộp cho Trung tâm mà chiếm đoạt.

1/ Tổng số tiền học phí các lớp liên kết đào tạo đại học C đã trực tiếp thu từ học viên và H2, L1 thu nộp cho C từ năm 2011 đến năm 2014 là **10.558.185.000 đồng** (Mười tỷ năm trăm năm mươi tám triệu một trăm tám mươi lăm nghìn đồng), cụ thể:

|                                |                           |
|--------------------------------|---------------------------|
| - Năm 2011:                    | <b>330.600.000 đồng</b>   |
| + Đại học Luật Hà Nội K4:      | 330.600.000 đồng          |
| - Năm 2012:                    | <b>2.660.000 đồng</b>     |
| + Đại học Luật Hà Nội K4:      | 2.660.000 đồng            |
| - Năm 2013:                    | <b>3.265.675.000 đồng</b> |
| + Đại học Luật Hà Nội K4:      | 288.675.000 đồng          |
| + Đại học Quy Nhơn K21, K22:   | 1.269.600.000 đồng        |
| + Đại học Huế K2011:           | 877.400.000 đồng          |
| + Đại học Vinh E1, E2, E3:     | 830.000.000 đồng          |
| - Năm 2014:                    | <b>6.959.250.000 đồng</b> |
| + Đại học Luật Hà Nội K4:      | 844.425.000 đồng          |
| + Đại học Quy Nhơn:            | 3.042.050.000 đồng        |
| + Đại học Huế K2011:           | 986.100.000 đồng          |
| + Đại học Vinh E1, E2, E3, E4: | 2.086.675.000 đồng        |

Trong số tiền **10.558.185.000 đồng** thì Nguyễn Thị Thanh H2 đã thu và nộp đủ cho Trần Thị Lệ C 948.100.000 đồng, Trần Thị Yến L1 thu và nộp đủ

cho Trần Thị Lệ C 1.119.725.000 đồng, còn lại là C thu tiền trực tiếp từ học viên.

Ngoài ra C còn thu tiền học phí các lớp liên kết đào tạo đại học từ ông Võ Đình Tâm C2 từ năm 2011 đến năm 2014 và tiền từ kho bạc ông C2, chị Nguyễn Thị Thanh H2 nộp cho C và C có trách nhiệm nộp vào học phí các lớp liên kết đào tạo đại học là 1.056.900.650 đồng (911.512.050 đồng + 145.388.600 đồng), do đó tổng số tiền C thu từ C2 là: **5.838.525.650 đồng** (Năm tỷ tám trăm ba mươi tám triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn sáu trăm năm mươi đồng).

Như vậy, tổng số tiền học phí các lớp liên kết đào tạo đại học C đã thu là 10.558.185.000 đồng + 5.838.525.650 đồng = **16.396.710.650 đồng** (Mười sáu tỷ ba trăm chín mươi sáu triệu bảy trăm mười nghìn sáu trăm năm mươi đồng).

2/ Số tiền học phí các lớp liên kết đào tạo đại học C báo cáo với kế toán Trung tâm (bà D) đã thu và được kế toán lập phiếu thu, cập nhật phản ánh vào sổ sách kế toán là:

- Năm 2011 nộp: 901.475.000 đồng
- Năm 2012 nộp: 2.144.480.000 đồng
- Năm 2013 nộp: 5.251.954.000 đồng
- Năm 2014 nộp: 6.511.579.000 đồng

Tổng cộng: **14.809.488.000 đồng** (Mười bốn tỷ tám trăm lẻ chín triệu bốn trăm tám mươi tám nghìn đồng).

Số tiền đã thu C bỏ ngoài sổ sách (không báo cho kế toán) chiếm đoạt là 16.396.710.650 đồng – 14.809.488.000 đồng = **1.587.222.650 đồng** (Một tỷ năm trăm tám mươi bảy triệu hai trăm hai mươi hai nghìn sáu trăm năm mươi đồng). Trần Thị Lệ C đã nộp số tiền 1.376.300.000 đồng cho Trung tâm Dạy nghề, Giáo dục thường xuyên và Hướng nghiệp tỉnh Quảng Ngãi để khắc phục hậu quả.

**Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2019/HS-ST ngày 06/03/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:**

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 278 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị Quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội, khoản 3 Điều 7; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Trần Thị Lệ C phạm tội “*Tham ô tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Trần Thị Lệ C 15 (mười lăm) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày tuyên án (06/3/2019).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/03/2019 bị cáo Trần Thị Lệ C kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, Bị cáo Trần Thị Lệ C vẫn giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo C, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo sửa án sơ thẩm theo hướng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời khai nhận của bị cáo, ý kiến người bào chữa và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét đánh giá khách quan toàn diện và đầy đủ chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trần Thị Lệ C là người được Quyền Giám đốc Trung Tâm Trung tâm Dạy nghề - Giáo dục thường xuyên và Hướng nghiệp tỉnh Quảng Ngãi là bà Nguyễn Thị Tuấn H1 phân công nhiệm vụ làm thủ quỹ Trung tâm. Ngoài ra, C còn được bà H1 phân công nhiệm vụ thu tiền học phí của học viên các lớp liên kết đào tạo Đại học, thu nhận tiền từ các thành viên của Ban thu ngân thu của học viên nộp lại cho C, C có nhiệm vụ tổng hợp, báo cáo kế toán lập thủ tục và trực tiếp nộp tiền vào kho bạc tỉnh Quảng Ngãi theo quy định.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được phân công, lợi dụng sự buông lỏng quản lý, thiếu kiểm tra, kiểm soát của lãnh đạo và kế toán trung tâm. Nên Trần Thị Lệ C chỉ báo cáo với kế toán Trung tâm số tiền học phí các lớp liên kết đào tạo đại học đã thu và được kế toán lập phiếu thu, cập nhật phản ánh vào sổ sách kế toán số tiền là: 14.809.488.000 đồng. Số tiền còn lại là 1.516.222.650 đồng bị cáo không báo cáo cho kế toán để lập phiếu thu, cập nhật phản ánh vào sổ kế toán mà đã chiếm đoạt của Trung tâm.

Với hành vi phạm tội nêu trên bị cáo Trần Thị Lệ C bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử về tội “Tham ô tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 278 Bộ luật hình sự là có căn cứ đúng người đúng tội đúng, pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, Hội đồng xét thấy, bị cáo đã được tòa án cấp sơ thẩm xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và chỉ xử phạt bị cáo 15 năm tù là mức khởi điểm của khoản 3 Điều 278 Bộ luật hình sự là đã xem xét chiếu cố cho bị cáo. Tại cấp phúc thẩm bị cáo có tác động

tới gia đình bồi thường hết số tiền còn lại theo án sơ thẩm tuyên buộc bị cáo phải hoàn trả là 139.922650 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy cũng không thể giảm hình phạt cho bị cáo được nữa vì không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự. Việc bị cáo thực hiện hết nghĩa vụ dân sự sẽ được xem xét trong quá trình giảm án hàng năm.

[3] Tại phiên tòa luật sư của bị cáo đề nghị xem xét đối với số tiền 1.000.000.000 đồng bị cáo đã chuyển trả cho Trung tâm, thì thấy:

Đây là số tiền học phí bị cáo Trần Thị Lệ C thu chiếm đoạt nhiều lần trong nhiều năm rồi đem gửi vào tài khoản cá nhân của bị cáo tại Ngân hàng Sacombank. Kể từ khi bị cáo lấy tiền của Trung tâm gửi vào tài khoản cá nhân của bị cáo là tội phạm đã hoàn thành. Năm 2013 và 2014, Trung tâm phát hiện Võ Đình Tâm C2 chiếm đoạt tiền thu học phí học viên các Trường liên kết đại học của Trung tâm; ngày 18/12/2014, Giám đốc Trung tâm đã có báo cáo gửi Công an thành phố Q đề nghị Cơ quan Công an điều tra và xử lý việc Võ Đình Tâm C2 chiếm đoạt tiền của Trung tâm số tiền 469.510.000 đồng; ngày 12/02/2015, tại biên bản họp bàn giao giữa bà Nguyễn Thị Tuấn H1 và ông Phạm Minh T2 khi bà H1 về hưu, tổng kết số tiền chưa nộp tại Kho bạc nhà nước là 1.949.742.000 đồng; ngày 02/3/2015, Trung tâm có Báo cáo số 01/BCTTT gửi Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ngãi nhưng bị cáo Trần Thị Lệ C vẫn không báo cáo và nộp chuyển trả lại cho Trung tâm. Khi Đoàn kiểm tra, thanh tra tài chính về kiểm tra tài chính của Trung tâm và phát hiện Võ Đình Tâm C2 chiếm đoạt tiền của Trung tâm; lúc đó, bị cáo mới nộp lại tiền trả cho Trung tâm vào ngày 09/10/2015. Như vậy bị cáo chỉ nộp sau khi Trung tâm đã phát hiện ra số tiền trên bị thiếu hụt nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với khoản tiền này án sơ thẩm chỉ xem xét đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo là đúng pháp luật.

Từ những nhận định nêu trên xét thấy đơn kháng cáo của bị cáo không có căn cứ để chấp nhận. Giữ nguyên quyết định án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Bị cáo Trần Thị Lệ C phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Trần Thị Lệ C. Giữ nguyên quyết định của bản án hình sự sơ thẩm số: 04/2019/HS-ST ngày 06/3/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

[1] Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 278 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị Quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội, khoản 3 Điều 7; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Trần Thị Lệ C phạm tội “*Tham ô tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Trần Thị Lệ C 15 (mười lăm) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (06/3/2019).

[2] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999.

Buộc bị cáo Trần Thị Lệ C phải chịu trách nhiệm trả lại cho Trung tâm Dạy nghề, Giáo dục thường xuyên và Hướng nghiệp tỉnh Quảng Ngãi số tiền 139.922.650 đồng (Một trăm ba mươi chín triệu, chín trăm hai mươi hai nghìn, sáu trăm năm mươi đồng). Bị cáo đã nộp đủ tại cấp phúc thẩm nên không phải nộp nữa, nộp theo Biên lai số 06826 ngày 19/4/2019 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

[3] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV “*Quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*”.

Bị cáo Trần Thị Lệ C phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, và không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TANDTC;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Trại tạm giam CA tỉnh Quảng Ngãi (bị cáo);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án; Lưu trữ, Phòng HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Mai Xuân Thành**